

Bản án số: 1104/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-12-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 179/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 590/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 490/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hoàng O**, sinh năm 1984

Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh(Bà O có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt lập ngày 18/10/2023).

- Bị đơn: Ông **Trịnh Văn T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, bà Nguyễn Thị Hoàng O (nguyên đơn) trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hoàng O (sau đây gọi là Bà O) và ông Trịnh Văn T (sau đây gọi là Ông T) bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2007, do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường, không có gì xảy ra đến năm 2022 thì Bà O và Ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong việc chăm sóc con cái, kinh tế gia đình. Hiện Bà O và Ông T không còn tình cảm với nhau mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Bà O và Ông T đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn có thể hàn gắn được nữa, Bà O yêu cầu được ly hôn với Ông T.

Về con chung: Có 03 con tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 18/9/2007, Trịnh Thanh H, sinh ngày: 30/8/2017 và Trịnh Thị Hoàng T, sinh ngày: 25/4/2004 (đã trưởng thành). Sau khi ly hôn, Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ N và trẻ H và không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Văn T vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của Ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận bà Nguyễn Thị Hoàng O được ly hôn với ông Trịnh Văn T. Về con chung: 03 con tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 18/9/2007, Trịnh Thanh H, sinh ngày: 30/8/2017 và Trịnh Thị Hoàng T, sinh ngày: 25/4/2004 (đã trưởng thành). Giao 02 trẻ Nguyễn Thị Thanh N, Trịnh Thanh H cho Bà O trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trịnh Văn T. Tài sản chung: tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Hoàng O nộp đơn xin ly hôn đối với ông Trịnh Văn T. Ông Trịnh Văn T cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Ông T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Bà O có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà O và Ông T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng mời Ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa Bà O và Ông T, nhưng Ông T không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, Ông T tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo giấy chứng nhận kết hôn số 100/KH quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2009, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Văn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Bà O xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, Ông T và Bà O đã có thời gian sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“Tình nghĩa vợ chồng:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét thấy Bà O và Ông T đã có thời gian sống ly thân với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, Ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình

cảm vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà O và Ông T mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Bà O về việc xin được ly hôn với Ông T.

[4] Về con chung:

Bà O và Ông T có 03 con chung: Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 18/9/2007; Trịnh Thanh H, sinh ngày: 30/8/2017 và Trịnh Thị Hoàng T, sinh ngày: 25/4/2004 (đã trưởng thành). Hiện trẻ (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thanh N; Trịnh Thanh H đang chung sống với Bà O. Sau khi ly hôn, Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thị Thanh N và Trịnh Thanh H; không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ thì trẻ Nguyễn Thị Thanh N muốn sống chung với mẹ. Trẻ Trịnh Thanh H còn nhỏ (dưới 7 tuổi). Ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của Ông T về con chung giữa Bà O và Ông T. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Bà O, giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 18/9/2007 và Trịnh Thanh H, sinh ngày: 30/8/2017 cho Bà O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc Bà O không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Nếu sau này, có tranh chấp Bà O, Ông T có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc tranh chấp tài sản sau hôn nhân.

[6] Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí:

Ông Trịnh Văn T và bà Nguyễn Thị Hoàng O cùng lập và nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự. Ông Trịnh Văn T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không đến theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 25 tháng 7 năm 2023, bà Nguyễn Thị Hoàng O đã có đơn yêu cầu chuyển từ việc thuận tình ly hôn sang vụ án tranh chấp ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên trả lại cho ông Trịnh Văn T số tiền 150.000 đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) là $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0042681 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 217, Điều 273 và Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng O đối với ông Trịnh Văn T:

Bà Nguyễn Thị Hoàng O được ly hôn với ông Trịnh Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 180/KH, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 10 năm 2009 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Văn T có 03 con chung: Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 18/9/2007; Trịnh Thanh H, sinh ngày: 30/8/2017 và Trịnh Thị Hoàng T, sinh ngày: 25/4/2004 (đã trưởng thành).

Giao trẻ Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày: 18/9/2007 và trẻ Trịnh Thanh H, sinh ngày: 30/8/2017 cho bà Nguyễn Thị Hoàng O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc Bà O không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trịnh Văn T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Văn T đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

5.1 Trả lại cho ông Trịnh Văn T số tiền 150.000 đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) là $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0042681 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

5.2 Bà Nguyễn Thị Hoàng O chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng), được căn trừ vào số tiền 150.000 đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) là $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0042681 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Nguyễn Thị Hoàng O còn phải nộp thêm số tiền 150.000 đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Loan